

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng người lao động, đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH Jahwa Vina nhân dịp tháng Công nhân năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Jahwa Vina
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án:
  - + Địa điểm 1: Trụ sở chính: Lô CN10, Khu Công Nghiệp Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
  - + Địa điểm 2: Nhà máy Phú Hà - Địa chỉ địa điểm kinh doanh số 1: Lô CN-07B, Khu công nghiệp Phú Hà, Phường Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam Số lượng cụ thể sẽ trong hợp đồng
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

###### **a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:**

- **Chủng loại:** Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- **Tiêu chuẩn hàng hóa:**

+ **Chất lượng mới 100%**, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025-2026. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và có bản tự công bố sản phẩm theo quy định.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác

miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo).

*b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:*

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch*

vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn										
1	Hộp quà tặng tháng công nhân	<p><b>I. Bánh loại 1</b></p> <p>1. Thành phần: Bột mì, đường, mạch nha glucose, shortening thực vật, chất béo thực vật, bột cacao 2,8%, sữa bột nguyên kem, trứng, hương liệu tổng hợp (vani),...</p> <p>2. Thời hạn sử dụng: 10 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.</p> <p>3. Trọng lượng: 435,6g</p> <p>4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì <math>\leq 0,2</math>. Cadimi <math>\leq 0,2</math>. Arsen <math>\leq 1</math>. Thủy ngân <math>\leq 0,05</math>.</li> <li>- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1 <math>\leq 2</math>, Aflatoxin tổng số <math>\leq 4</math>, Ochratoxin A <math>\leq 3</math>, Zearalenone <math>\leq 50</math>, Deoxynivalenol <math>\leq 500</math>, Aflatoxin M1 <math>\leq 0,5</math>.</li> <li>- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g) <math>\leq 100000</math>; Tổng số Coliforms (cfu/g) <math>\leq 10</math>, Staphylococcus aureus (cfu/g) <math>\leq 10</math>; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g) <math>\leq 100</math>; Salmonella không có.</li> </ul> <p><b>II. Bánh loại 2</b></p> <p>1. Thành phần: Bột mì, đường, dầu thực vật, shortening từ động vật và thực vật, cơm dừa sấy, hạt mè trắng 2,9%, bột whey, sữa bột nguyên kem, chất béo thực vật, muối i ốt, bột gia vị muối, bột phô mai ...</p> <p>2. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.</p> <p>3. Trọng lượng: 316,8g</p> <p>4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì <math>\leq 0,2</math>. Cadimi <math>\leq 0,2</math>. Arsen <math>\leq 1</math>. Thủy ngân <math>\leq 0,05</math>.</li> <li>- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1 <math>\leq 2</math>, Aflatoxin tổng số <math>\leq 4</math>, Ochratoxin A <math>\leq 3</math>, Zearalenone <math>\leq 50</math>, Deoxynivalenol <math>\leq 500</math>, Aflatoxin M1 <math>\leq 0,5</math>.</li> <li>- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g) <math>\leq 100000</math>; Tổng số Coliforms (cfu/g) <math>\leq 10</math>, Staphylococcus aureus (cfu/g) <math>\leq 10</math>; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g) <math>\leq 100</math>;</li> <li>- Dinh dưỡng:</li> </ul> <table border="1" data-bbox="566 1982 1476 2051"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Dinh dưỡng</th> <th>Đơn vị</th> <th>Giá trị</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Năng lượng</td> <td>kcal</td> <td>369-676</td> </tr> </tbody> </table>			STT	Dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị	1	Năng lượng	kcal	369-676
STT	Dinh dưỡng	Đơn vị	Giá trị									
1	Năng lượng	kcal	369-676									

2	Chất đạm	g	5-9,2
3	Carbohydrat	g	466,6-85,3
4	Đường tổng số	g	19-34,7
5	Chất béo	g	18,1-33,2
6	Natri	mg	239,3-438,1

### III. Bánh loại 3

1. Thành phần: Bột mì, chất ổn định, dầu thực vật, đường, vảy khoai tây 6,2%, gia vị pizza 5,3%, chất điều vị, bột ớt, bột hành, hương liệu tổng hợp, bột tỏi, vảy rau mùi tây, nước mắm...

2. Thời hạn sử dụng: 8 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.

3. Trọng lượng: 50g

4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì  $\leq 0,2$ . Cadimi  $\leq 0,2$ . Arsen  $\leq 1$ . Thủy ngân  $\leq 0,05$ .

- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1  $\leq 2$ , Aflatoxin tổng số  $\leq 4$ , Ochratoxin A  $\leq 3$ , Zearalenone  $\leq 50$ , Deoxynivalenol  $\leq 500$ .

- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g)  $\leq 100000$ ; Tổng số Coliforms (cfu/g)  $\leq 10$ , Staphylococcus aureus (cfu/g)  $\leq 10$ ; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g)  $\leq 100$ ;

### IV. Bánh loại 4

1. Thành phần: Bột bắp, dầu thực vật, bột gạo, hỗn hợp gia vị phô mai 6,1%, bột sữa, bột phô mai 6,8%, chất điều vị, bột nước tương, vảy khoai tây, chất tạo ngọt, ...

2. Thời hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.

3. Trọng lượng: 32g

4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì  $\leq 0,2$ . Cadimi  $\leq 0,1$ . Arsen  $\leq 5$ . Thủy ngân  $\leq 0,05$ .

- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1  $\leq 2$ , Aflatoxin tổng số  $\leq 4$ , Ochratoxin A  $\leq 3$ , Zearalenone  $\leq 100$ , Deoxynivalenol  $\leq 500$ . Fumonisin  $\leq 800$ .

- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g)  $\leq 100000$ ; Tổng số Coliforms (cfu/g)  $\leq 10$ , Staphylococcus aureus (cfu/g)  $\leq 10$ ; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g)  $\leq 100$ ;

### V. Bánh loại 5

	<p>1. Thành phần: Bột mì, bột bắp, chất ổn định, đường, shortening thực vật, gia vị tảo biển 4,1%, bột chiết xuất tảo bẹ 4%, hương liệu tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp, tinh bột bắp, muối i ốt, calci carbonat 0,7% hương liệu rau củ, ...</p> <p>2. Thời hạn sử dụng: 8 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.</p> <p>3. Trọng lượng: 35g</p> <p>4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì <math>\leq 0,2</math>. Cadimi <math>\leq 0,2</math>. Arsen <math>\leq 1</math>. Thủy ngân <math>\leq 0,05</math>.</li> <li>- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1 <math>\leq 2</math>, Aflatoxin tổng số <math>\leq 4</math>, Ochratoxin A <math>\leq 3</math>, Zearalenone <math>\leq 50</math>, Deoxynivalenol <math>\leq 500</math>. Fumonisin <math>\leq 1000</math>.</li> <li>- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g) <math>\leq 100000</math>; Tổng số Coliforms (cfu/g) <math>\leq 10</math>, Staphylococcus aureus (cfu/g) <math>\leq 10</math>; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g) <math>\leq 100</math>;</li> <li>- Khoáng chất: Hàm lượng canxi từ 300-450 mg/100g.</li> </ul> <p><b>VI. Bánh loại 6</b></p> <p>1. Thành phần: Bột mì, dầu thực vật, bột bắp, vảy khoai tây, bột gia vị tảo biển 5,5%, hương liệu tự nhiên, bột nước tương, dầu mè, đường, bột tảo biển 0,4%, muối, bột hành tây, ...</p> <p>2. Thời hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất. Thời hạn còn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 2/3 thời hạn sử dụng.</p> <p>3. Trọng lượng: 28g</p> <p>4. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu kim loại nặng (ppm): Chì <math>\leq 0,2</math>. Cadimi <math>\leq 0,2</math>. Arsen <math>\leq 5</math>. Thủy ngân <math>\leq 0,05</math>.</li> <li>- Chỉ tiêu độc tố nấm (ppb): Aflatoxin B1 <math>\leq 2</math>, Aflatoxin tổng số <math>\leq 4</math>, Ochratoxin A <math>\leq 3</math>, Zearalenone <math>\leq 50</math>, Deoxynivalenol <math>\leq 500</math>. Fumonisin <math>\leq 800</math>.</li> <li>- Giới hạn vi sinh vật: Tổng số vi sinh vật hiếu khí (cfu/g) <math>\leq 100000</math>; Tổng số Coliforms (cfu/g) <math>\leq 10</math>, Staphylococcus aureus (cfu/g) <math>\leq 10</math>; Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc (cfu/g) <math>\leq 100</math>.</li> </ul>
--	---

### 1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính: Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu bằng hạn còn sử dụng của sản phẩm.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hỏa, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ sản phẩm trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

## **Mục 2. Bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra, đối chiếu và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết theo các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa cho đại diện Tư vấn tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSMT.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa

không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.